

Bản án số: 12/2021/HS-ST

Ngày 25 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tinh

2. Ông Vi Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Trần Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn L - sinh ngày 12 tháng 4 năm 1999 tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu N, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng M (đã chết) và bà Bùi Thị D - sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 27/10/2020, không bị tạm giam, đến ngày 05/11/2020, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã Hà T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

2. Lê Xuân T - sinh ngày 20 tháng 8 năm 1997 tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Khu T, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng S - sinh năm 1974 và bà Trần Thị T - sinh năm 1976; bị cáo sống chung như vợ chồng với Ngô Thị Kiều T và có 1 con sinh năm 2019; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, không bị tạm giam, bị áp dụng biện pháp

ngăn chặn Cầm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

+Bị hại:

1.Chị Phùng Thị L - sinh năm 1986. Trú tại: Khu N, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

2.Anh Lê Duy C - sinh năm 1998. Trú tại: Khu T, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

+Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.Anh Bùi Mạnh T - sinh năm 1987. Trú tại: Khu dân cư T, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

2.Ông Nguyễn Tiến C - sinh năm 1961. Trú tại: Khu N, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

3.Bà Bùi Thị D - sinh năm 1962. Trú tại: Khu N, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền để chi tiêu cá nhân nên Lê Văn L nảy sinh ý định mượn xe của người khác để mang đi cầm cố hoặc bán lấy tiền. Khoảng 07 giờ ngày 13/10/2020, L đi bộ đến nhà cô họ là Phùng Thị L hỏi mượn xe để đi ăn cưới bạn ở huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do tin tưởng L nên chị L đồng ý và đưa cho L mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream BKS 19M1– 058.34 cùng giấy tờ xe. Sau khi mượn được xe, L đi đến nhà ông Nguyễn Tiến C đặt vấn đề cầm cố chiếc xe trên để lấy tiền. Tuy nhiên ông C chỉ mua xe mà không nhận cầm cố tài sản nên L đồng ý bán xe. L đưa cho ông C xem đăng ký xe, thấy mang tên chị Phùng Thị L. Ông C hỏi L đây là xe của ai. L nói đây là xe chị L bán cho L. Thấy L khẳng định đây là xe của mình, đồng thời L xuất trình được giấy đăng ký xe nên ông C đồng ý mua xe. L viết giấy bán chiếc xe trên cho ông C với giá 10.000.000 đồng. Ông C cầm giấy bán xe cùng giấy đăng ký xe rồi đưa 10.000.000 đồng cho L. Có tiền, L đi xe taxi đến nhà nghỉ H thuộc khu dân cư S, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ do bà Trần Thị L làm chủ để thuê phòng nghỉ. Tuy nhiên do không có giấy chứng minh nhân dân nên L gọi điện cho anh Bùi Trung K, sinh năm 2002, trú tại khu N, xã H, thị xã P, Phú Thọ đến nhà nghỉ, mục đích để hỏi mượn giấy chứng minh nhân dân của anh K để thuê phòng nghỉ. Sau đó L gọi điện thoại cho Lê Xuân T đến phòng nghỉ chơi. Tại đây T, L và anh K cùng thuê phòng nghỉ. Đến ngày 14/10/2020 thì anh K ra về, còn T và L tiếp tục ở lại nhà nghỉ chơi.

Quá trình ở nhà nghỉ, L trả tiền phòng, tiền ăn uống cho mình và T nhưng L không nói cho T biết số tiền này là do phạm tội mà có. Đến khi tiêu hết số tiền 10.000.000 đồng, L mới nói cho T biết đó là tiền do lừa đảo xe mô tô. Để có tiền để chi tiêu tiếp T đã bàn bạc với L là mượn xe của bạn là Lê Duy C bán lấy tiền và

L đã đồng ý. Chiều tối ngày 18/10/2020, L rủ anh C đi uống nước ở quảng trường B, thuộc khu dân cư T, phường H, thị xã P, Phú Thọ. Tại đây, L hỏi mượn xe của anh C để đi lấy tiền. Do tin tưởng nên anh C đã cho L mượn 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn đỏ đen BKS 19M1-185.75, 01 mũ bảo hiểm cùng giấy tờ xe. Sau khi mượn được xe, L đi về nhà nghỉ H rủ T cùng đi bán xe để lấy tiền tiêu xài cá nhân. L điều khiển xe chở T đến cửa hàng mua bán xe máy T thuộc khu dân cư T, phường A, thị xã P, tỉnh Phú Thọ do anh Bùi Mạnh T làm chủ. Tại đây, L đặt vấn đề cầm cố chiếc xe trên nhưng anh T không nhận cầm cố và bảo L nếu bán lại thì anh T sẽ mua. L đồng ý và đưa cho anh T 01 đăng ký xe mô tô BKS 19M1 – 185.75 mang tên Lê Duy C. Do anh T yêu cầu phải có chứng minh nhân dân nên cả hai không bán được xe và cùng đi về nhà nghỉ. Tại nhà nghỉ, L gọi điện thoại cho anh C nói dối là xe bị Cảnh sát giao thông giữ, bảo anh C đưa cho L mượn chứng minh nhân dân để lấy xe. Do tin tưởng nên anh C đồng ý cho mượn giấy chứng minh nhân dân của mình. Để tránh bị anh C phát hiện chiếc xe trên không phải do lực lượng Công an đang tạm giữ nên L đã mượn 01 chiếc xe mô tô của nhà nghỉ H rồi đi đến Trạm y tế xã H, thị xã P, Phú Thọ lấy chứng minh nhân dân của anh C. Do lúc này thời gian đã muộn nên L đi về nhà nghỉ ngủ. Đến sáng ngày 19/10/2020, T chở L đi đến cửa hàng xe máy T Linh gặp anh T. T nói với anh T mình là C và muốn bán chiếc xe trên đồng thời đưa giấy tờ xe, chứng minh nhân dân mang tên C ra cho anh T xem. Anh T xem các giấy tờ và đồng ý mua xe. T viết giấy bán xe cho anh T lấy 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau khi bán được xe, T cầm 9.500.000 đồng và đưa cho L 500.000 đồng. Sau đó cả hai thanh toán tiền phòng nhà nghỉ, cùng đi taxi đến nhà nghỉ H do bà Nguyễn Thị Hải A, sinh năm 1974, trú tại khu 8, xã H, thành phố V, Phú Thọ làm chủ để thuê phòng nghỉ. Cả hai cùng chi tiêu hết số tiền trên. Ngày 25/10/2020, L gọi điện về cho mẹ để là bà Bùi Thị D, sinh năm 1962 trú tại khu N, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ và kể lại việc lừa chiếc xe của chị L để bán lấy tiền, đồng thời xin tiền để chuộc lại xe. Sau đó L về nhà chuộc lại xe của chị L.

Sau khi sự việc xảy ra, chị L và anh C đã đến cơ quan Công an để trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận tin báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã triệu tập Lê Văn L và Lê Xuân T đến làm việc tuy nhiên L và T không có mặt tại địa phương. Ngày 27/10/2020 Lê Văn L đã đến Công an thị xã P để đầu thú và giao nộp cho cơ quan Công an 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe 02 bánh, loại xe Dream màu sơn nâu biển kiểm soát 19M1- 058.34 xe đã cũ, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 19M1- 058.34 mang tên Phùng Thị L địa chỉ khu 9, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ do Công an thị xã P cấp ngày 09/01/2013 và 01 mũ bảo hiểm màu trắng xám. Đến ngày 30/10/2020, Lê Xuân T đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P làm việc.

Ngày 28/10/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của anh Bùi Mạnh T. Quá trình khám xét thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn đỏ đen BKS 19M1-185.75; 01 giấy đăng ký xe BKS 19M1-185.75 mang tên Lê Duy C; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Duy C do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 14/10/2013; 01 giấy bán, cho tặng xe, người viết là Lê Duy C.

Ngày 27/10/2020, ông Nguyễn Tiến C đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 01 giấy bán, cho tặng xe, người viết là Lê Văn L.

Ngày 28/10/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã ra yêu cầu định giá tài sản đối với 02 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19M1 - 058.34 và 19M1 - 185.75. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 44/2020/KL - ĐGTS ngày 30/10/2020, Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thị xã P xác định giá trị của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19M1 - 058.34 là 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng), chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19M1 - 185.75 có giá trị là 14.600.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngày 05/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can Lê Văn L và Lê Xuân T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 174 Bộ luật hình sự.

Ngày 14/11/2020, bà Bùi Thị D đã nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P số tiền 10.000.000đồng để khắc phục hậu quả về việc Lê Văn L cầm cố chiếc xe mô tô BKS 19M1 - 185.75 của anh Lê Duy C cho anh Bùi Mạnh T.

Ngày 25/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã Trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ giám định 02 giấy bán xe mà Lê Văn L và Lê Xuân T đã viết. Tại Bản kết luận giám định số 1192/KLGD -PC09 và số 1193/KLGD ngày 10/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

Chữ ký dạng chữ viết “C” và chữ viết điền vào các mục trên “Giấy bán, cho, tặng xe” đứng tên Lê Duy C (mẫu giám định ký hiệu A) so với chữ viết trên 02 “Bản tự khai” đứng tên Lê Xuân T (mẫu so sánh ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Văn L “Giấy bán, cho, tặng xe”, ngày 15/10/2020 (mẫu giám định ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Văn L trên 02 “Bản tự khai” đứng tên Lê Văn L (mẫu so sánh ký hiệu M1, M2) là do cùng một người ký và viết ra.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn L khai nhận như sau: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố là đúng. Bị cáo đã ra đầu thú và nộp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 19M1 - 058.34 của chị L cho Công an và mẹ để bị cáo cũng nộp số tiền 10.000.000đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo không yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho bị cáo số tiền bị cáo đã khắc phục hậu quả. Bị cáo lao động tự do, thu nhập thấp, không có tài sản gì.

Bị cáo Lê Xuân T khai nhận: Bị cáo thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng. Khi bị cáo L rủ bị cáo lên nhà nghỉ thì L là người thanh toán tiền ăn nghỉ nhưng L không nói gì với bị cáo đến khi hết tiền L mới nói cho bị cáo đó là tiền đi cầm cố chiếc xe của chị L. Bị cáo lao động tự do, thu nhập thấp, không có tài sản gì.

Bị hại, anh Lê Duy C trình bày: Bị hại thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng. Các bị hại đã nhận lại xe và các tài sản, giấy tờ, không có ý kiến gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Bùi Thị D trình bày: Bà là mẹ đẻ bị cáo Lê Văn L. Khi sự việc xảy ra, L đã tác động bà đem tiền 10.000.000đồng đi chuộc xe của chị L ở nhà ông C đem nộp cho cơ quan Công an và bà đã nộp 10.000.000đồng cho Cơ quan công an để trả tiền chiếc xe L đã bán. Bà cho bị cáo L số tiền trên và không yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền mà T đã chi tiêu, bà không đề nghị gì.

Bản cáo trạng số 08/CT-VKS-TXPT ngày 25/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố các bị can: Lê Văn L và Lê Xuân T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, công bố bản luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo: Lê Văn L và Lê Xuân T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 1 điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn L. Xử phạt: Lê Văn L từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/10/2020 đến ngày 05/11/2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 điều 174, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Xuân T. Xử phạt: Lê Xuân T 06 tháng tù đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự:

Xác nhận bị cáo Lê Văn L đã trả cho ông Nguyễn Tiến C số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả cho anh Bùi Mạnh T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là hợp pháp.

-Về xử lý vật chứng và tài liệu, tài sản tạm giữ: Áp dụng khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xác nhận ngày 12/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả lại cho chị Phùng Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream BKS 19M1-058.34 cùng đăng ký xe mô tô mang tên Phùng Thị L; trả cho anh Lê Duy C 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn đỏ đen BKS 19M1-185.75 cùng đăng ký xe, 01 mũ bảo hiểm và giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Duy C là hợp pháp.

Lưu hồ sơ vụ án 02 giấy bán, cho tặng xe do ông Nguyễn Tiến C và anh Bùi Mạnh T giao nộp.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định như sau: Khoảng 07 giờ ngày 13/10/2020 tại nhà ở của chị Phùng Thị L, sinh năm 1986 trú tại khu N, xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, Lê Văn L đã dùng thủ đoạn gian dối mượn của chị Phùng Thị L xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream BKS 19M1- 058.34 trị giá 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) rồi mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Và vào khoảng 20 giờ ngày 18/10/2020 tại khu vực Quảng trường B, thuộc khu dân cư T, phường H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, Lê Văn L và Lê Xuân T đã dùng thủ đoạn gian dối mượn của anh Lê Duy C xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn đỏ đen BKS 19M1-185.75 trị giá 14.600.000đ (Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) rồi mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cơ quan điều tra đã thu hồi được tài sản trả lại cho bị hại. Lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Các bị cáo: Lê Văn L và Lê Xuân T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 174 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã P truy tố các bị cáo về tội danh cũng như điều luật là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...”

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã triệu tập ông Nguyễn Tiến C và anh Bùi Mạnh T đến làm việc, cả hai đều khai nhận khi mua xe mô tô đều không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Ngoài ra anh T còn khai nhận, khi T đưa chứng

minh nhân dân của anh C, anh có quan sát nhưng không phát hiện thấy sự khác biệt giữa hình ảnh người trong giấy chứng minh nhân dân và T, đồng thời các giấy tờ xe đều mang tên Lê Duy C nên anh đã đồng ý mua xe. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông C và anh T mà nhắc nhở răn đe, giáo dục để phòng ngừa chung là phù hợp.

Đối với anh Bùi Trung K là người cho Lê Văn L mượn giấy chứng minh nhân dân của mình để thuê phòng nghỉ, đồng thời có ăn nghỉ cùng L và T trong ngày 13 và 14/10/2020. Quá trình ăn, nghỉ L không nói cho anh K biết số tiền này là do phạm tội mà có. Anh K không biết và không liên quan gì đến việc L đã lừa bán chiếc xe mô tô BKS 19M1 - 058.34 của chị L. Vì vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Quá trình điều tra, bị cáo T còn khai nhận khi ở nhà nghỉ, L đã trả tiền phòng, tiền ăn uống, sinh hoạt cho T. Tuy nhiên L không nói về nguồn gốc số tiền này. Bản thân T cũng không hỏi về nguồn gốc số tiền mà cả hai chi tiêu. Đến khi chi tiêu hết số tiền này, L mới nói cho T biết đó là tiền do phạm tội mà có. Do vậy, hành vi của T không đủ yếu tố cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội không tố giác tội phạm là phù hợp.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lê Văn L và Lê Xuân T có bần bạc nhau và cùng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Lê Duy C nên là đồng phạm trong hành vi này. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ nên cần phải được xử lý nghiêm. Các bị cáo là thanh niên, có sức khỏe, có hiểu biết xã hội nhưng không chịu lao động làm ăn lương thiện mà lại có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản để sử dụng chi tiêu cá nhân. Vì vậy, các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi đã gây ra. Song khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Trước lần thực hiện hành vi phạm tội này, các bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Đối với bị cáo Lê Văn L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: thành khẩn khai báo; tự nguyện khắc phục hậu quả; đầu thú; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và trong thời gian trong quân ngũ bị cáo được tặng danh hiệu chiến sĩ tiên tiến; đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự và phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lê Xuân T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Xét tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo thì hình phạt tù cách ly bị cáo Lê Văn L ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội. Đối với bị cáo T chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo theo quy định tại điều 65 Bộ luật hình sự dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo. Với mức hình phạt như Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp. Mức án đó cũng đủ điều kiện để giáo dục các bị cáo sửa chữa được lỗi mà các bị cáo đã phạm.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 điều 174 của Bộ luật hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Xét thấy các bị cáo lao động tự do, thu nhập thấp, không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo Lê Văn L đã tác động mẹ đẻ khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Mẹ đẻ của bị cáo Lê Văn L là bà Bùi Thị D đã trả cho ông Nguyễn Tiến C 10.000.000 đồng để lấy xe mô tô giao nộp cho Công an và giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 10.000.000 đồng để trả cho anh Bùi Mạnh T. Anh T đã nhận lại số tiền 10.000.000 đồng nên cần xác nhận. Bà Bùi Thị D và bị cáo Lê Văn L không đề nghị bị cáo Lê Xuân T phải hoàn trả phần tiền đã bồi thường cho anh T nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chị Phùng Thị L và anh Lê Duy C không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về vật chứng và các tài liệu, tài sản tạm giữ:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream BKS 19M1 - 058.34 cùng đăng ký xe là tài sản của chị Phùng Thị L. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn đỏ đen BKS 19M1-185.75 cùng đăng ký xe, 01 mũ bảo hiểm và giấy chứng minh nhân dân là tài sản của anh Lê Duy C. Ngày 12/11/2020 Cơ quan điều tra đã trả lại các đồ vật, tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp cần xác nhận.

Về 02 giấy bán, cho tặng xe do ông Nguyễn Tiến C và anh Bùi Mạnh T giao nộp là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo cần lưu trong hồ sơ vụ án.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; khoản 1 điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn L. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn L phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; phạt Lê Văn L 09 (Chín) tháng tù được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/10/2020 đến ngày 05/11/2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 điều 174, điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Xuân T. Tuyên bố: Bị cáo Lê Xuân T phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; phạt Lê Xuân T 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Lê Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Lê Xuân T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo Lê Xuân T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 92 và điều 68 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo: Lê Văn L và Lê Xuân T.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự:

Xác nhận bị cáo Lê Văn L đã trả cho ông Nguyễn Tiến C số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả cho anh Bùi Mạnh T số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là hợp pháp.

-Về xử lý vật chứng và tài liệu, tài sản tạm giữ: Áp dụng khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xác nhận ngày 12/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P đã trả lại cho chị Phùng Thị L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Dream BKS 19M1-058.34 cùng đăng ký xe mô tô mang tên Phùng Thị L; trả cho anh Lê Duy C 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn đỏ đen BKS 19M1-185.75 cùng đăng ký xe, 01 mũ bảo hiểm và giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Duy C là hợp pháp.

Lưu hồ sơ vụ án 02 giấy bán, cho tặng xe do ông Nguyễn Tiến C và anh Bùi Mạnh T giao nộp.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo: Lê Văn L và Lê Xuân T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã, tỉnh;
- Công an thị xã;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo; Bị hại; Người CQLNVLQ;
- Thị hành án hình sự;
- UBND xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã;
- Lưu hồ sơ (2 bản);
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thu Hiền